

Bản án số: 08/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 29-01-2021

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thụy Lan Chi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Hồng Tư
2. Ông Nguyễn Minh Chiếu

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Dề, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Mỹ Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 201/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2020 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị B, sinh năm 1991 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp E, thị trấn G, huyện H, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Anh C, sinh năm 1984 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp I, xã K, huyện A, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị B trình bày tại đơn khởi kiện đề ngày 05 tháng 9 năm 2020 và các lời khai tiếp theo tại Tòa án: Chị B và anh C chung sống với nhau vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn G, huyện H, tỉnh An Giang, theo giấy chứng nhận kết hôn số 174, ngày 25 tháng 12 năm 2009. Quá trình chung sống, chị B và anh C có một người con chung là cháu D, sinh ngày 28 tháng 8 năm 2009. Hiện nay cháu D đang sống cùng anh C. Về tài sản chung và nợ chung không có. Nay chị B yêu cầu được ly hôn với anh C. Nguyên nhân ly hôn, chị B xác định, quá trình chung sống, chị B và anh C bất đồng ý kiến, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn

trong cuộc sống, chị B và anh C đã ly thân từ năm 2015 đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, chị B yêu cầu ly hôn với anh C. Về con chung, chị B yêu cầu Tòa án xem xét nguyện vọng của cháu D, nếu cháu D sống với chị thì chị đồng ý nuôi và không yêu cầu anh C cấp dưỡng; nếu cháu D có nguyện vọng sống với anh C thì chị cũng đồng ý và tự nguyện cấp dưỡng cho cháu D theo quy định pháp luật. Về tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh C trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 05 tháng 01 năm 2021: Anh C thống nhất với lời trình bày của chị B về hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung và nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn. Nay xét thấy tình cảm không còn, anh C đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị B; về con chung, anh C yêu cầu nuôi cháu D và không yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu phát biểu việc tuân theo pháp luật của Tòa án: Từ khi thụ lý cho đến phiên tòa xét xử sơ thẩm, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị B đối với anh C. Về con chung, đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục giao cháu D cho anh C nuôi dạy, giáo dục do cháu D đang sống chung với anh C. Ghi nhận sự tự nguyện của chị B về việc cấp dưỡng nuôi cháu D với mức cấp dưỡng theo quy định pháp luật. Về tài sản chung và nợ chung không có và không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về án phí: Chị B phải chịu án phí hôn nhân và gia đình và án phí cấp dưỡng theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Ngày 06 tháng 10 năm 2020 chị B nộp đơn khởi kiện đến Tòa án yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn đối với anh C. Khi khởi kiện anh C cư trú ấp I, xã K, huyện A, tỉnh Bạc Liêu. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị B và anh C đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng tiến hành xét xử vắng mặt chị B và anh C theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về hôn nhân: Chị B và anh C tự nguyện chung sống vào năm 2009, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 174, cấp ngày 25/12/2009 do Ủy ban nhân dân thị trấn G, huyện H, tỉnh An Giang nên hôn nhân giữa chị B và anh C là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[3]. Chị B xác định trong thời gian chung sống, giữa chị B và anh C thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, bất đồng ý kiến. Xét thấy

tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị B yêu cầu ly hôn với anh C. Về phía anh C thừa nhận cuộc sống vợ chồng anh với chị B không hạnh phúc, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng anh đã ly thân từ năm 2015 đến nay. Nay anh C đồng ý ly hôn theo yêu cầu chị B nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Tuy Dên, do anh C và chị B không cùng đến Tòa án làm việc nên Tòa án không ghi nhận sự thuận tình ly hôn của anh C và chị B.

Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân tồn tại bền vững thì phải dựa trên cơ sở tự nguyện, vợ chồng phải biết yêu thương, chăm sóc giúp đỡ lẫn nhau cùng nhau xây dựng gia đình phát triển. Hôn nhân giữa chị B và anh C không còn hạnh phúc, quá trình chung sống thường xuyên phát sinh mâu thuẫn và mâu thuẫn này đã trầm trọng, chị B và anh C đã ly thân từ năm 2015 đến nay. Cả hai cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị B yêu cầu được ly hôn với anh C là có căn cứ, phù hợp với quy định Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị B đối với anh C.

[4]. Về con chung: Chị B và anh C có một người con chung là cháu D, sinh ngày 28/8/2009, hiện cháu D đang sống chung với anh C. Tòa án có đến trực tiếp nhà anh C để ghi nhận nguyện vọng của cháu D về việc sống với anh C hay sống với chị B; nhưng do cháu D đi học, không có nhà nên Tòa án lập biên bản không ghi nhận được nguyện vọng của cháu D. Về phía anh C có nguyện vọng và yêu cầu tiếp tục nuôi cháu D và không yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy, việc giao con cho ai nuôi là phải xem xét toàn diện, đầy đủ đảm bảo điều kiện cho con chưa thành niên. Để đảm bảo sự ổn định sinh hoạt, ăn ở, học hành, chăm sóc, nuôi dạy cháu D, do cháu D đang sống cùng anh C nên cần tiếp tục giao cháu D cho anh C nuôi dạy. Điều này chị B cũng thông nhất.

[5]. Về cấp dưỡng nuôi con: Quá trình làm việc tại Tòa án, chị B xác định nếu cháu D sống với anh C thì chị đồng ý cấp dưỡng cho cháu D với mức cấp dưỡng theo quy định pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy, đây là sự tự nguyện của chị B nên cần ghi nhận và chị B có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu D mỗi tháng 800.000 đồng, thời gian cấp dưỡng được tính kể từ ngày 29/01/2021 đến khi cháu D đủ 18 tuổi.

[6]. Về tài sản chung: Chị B và anh C xác định, vợ chồng anh chị chung sống không có tạo lập tài sản chung, nợ chung không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Trường hợp, sau này chị B và anh C có tranh chấp về tài sản chung, nợ chung sẽ khởi kiện ở vụ án khác.

[7]. Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và Gia đình: Chị B phải chịu 300.000 đồng, chị B đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0008300 ngày 16 tháng 10 năm 2020 được chuyển thu án phí. Ngoài ra, chị B còn phải chịu án phí cấp dưỡng là 300.000 đồng, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A;

[8]. Từ những phân tích trên cần chấp nhận lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị B đối với anh C. Xử cho chị B được ly hôn đối với anh C.

2. Về con chung: Giao cháu D sinh ngày 28/8/2009 cho C tiếp tục trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Hiện cháu D đang sống cùng với anh C.

Chị B không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc chị B có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu D sinh ngày 28/8/2009 số tiền 800.000 đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng được tính từ ngày xét xử sơ thẩm là ngày 29/01/2021 đến khi cháu D đủ 18 tuổi.

4. Về tài sản chung, nợ chung không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và Gia đình: Chị B phải chịu 300.000 đồng. Ngoài ra, chị B còn phải chịu án phí cấp dưỡng là 300.000 đồng. Tổng số tiền án phí chị B phải chịu là 600.000 đồng, chị B đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0008300 ngày 16 tháng 10 năm 2020, đối trừ số tiền án phí, chị B còn phải nộp tiếp số tiền 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A;

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời gian 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện A;
- THADS huyện A;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân thị trấn G, huyện H, tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

